
Court of Washington, County/City of _____
Tòa Án Washington, Quận/Thành Phố _____

Petitioner/Plaintiff
(as listed on order being enforced)
Nguyễn Đơn/Nguyễn Cáo
(như được liệt kê trong lệnh được thực thi)

vs.
kiện

Respondent/Defendant
(as listed on order being enforced)
Bị Đơn/Bị Cáo
(như được liệt kê trong lệnh được thực thi)

No. _____
Số

Contempt Hearing Order
(Protection, Extreme Risk Protection, No
Contact, Weapons Surrender)
Lệnh Xét Xử Tội Khinh Thường
(**Bảo Vệ, Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ, Cấm Tiếp**
Xúc hoặc Giao Nộp Vũ Khí)

(ORCN)
(ORCN)

Clerk's action required: 1, 12, 13, 14
Việc lục sự cần làm: 1, 12, 13, 14

Contempt Hearing Order
(Protection, Extreme Risk Protection, No Contact, Weapons
Surrender)
Lệnh Xét Xử Tội Khinh Thường
(Bảo Vệ, Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ, Cấm Tiếp Xúc hoặc Giao Nộp
Vũ Khí)

1. Money Judgment Summary
Tóm Tắt Phán Quyết Về Tiền Bạc

- No money judgment is ordered.
Không ra lệnh phán quyết về tiền bạc.
- A money judgment is ordered.
(Summarize any money judgment from section 12 below.)
Không ra lệnh phán quyết về tiền bạc.
(Tóm tắt bất kỳ phán quyết về tiền bạc nào từ mục 12 dưới đây.)

Judgment Creditor: _____
Người Được Thi Hành Án:

Judgment Debtor: _____
Người Phải Thi Hành Án:

Principal Judgment Amount: \$ _____
Số Tiền Phán Quyết Chính: \$ _____

Interest to Date of Judgment: \$ _____
Lãi đến Ngày Phán Quyết: \$ _____

Attorney Fees: \$ _____
Phí Luật Sư: \$ _____

Costs: \$ _____
Chi Phí: \$ _____

Other Recovery Amounts: \$ _____
Số Tiền Thu Hồi Khác: \$ _____

Yearly interest rate for principal judgment amount: _____ %.
Lãi suất hàng năm đối với số tiền phán quyết chính: _____ %.

Yearly interest rate for attorney's fees, costs, and other recovery amounts: _____ %.
Lãi suất hàng năm đối với phí luật sư, chi phí và các khoản thu hồi khác: _____ %.

Attorney for Judgment Creditor: _____
Luật Sư đại diện cho Người Được Thi Hành Án:

Attorney for Judgement Debtor: _____
Luật Sư đại diện cho Người Phải Thi Hành Án:

Other: _____
Khác:

2. Contempt hearing held
Phiên xét xử tội khinh thường được tiến hành

On (date) _____, the court:
Vào (ngày) _____, tòa án:

[] heard the motion to set hearing for contempt filed by:
đã xét xử kiến nghị để ấn định phiên xét xử tội khinh thường được đệ trình bởi:

[] the Petitioner in case number: _____
Nguyên Đơn trong số vụ án:

[] the City Attorney for case number: _____
Luật Sư Thành Phố về số vụ án:

[] the Prosecutor for case number: _____
Công Tố Viên về số vụ án:

[] held a hearing for contempt based on the court's findings during the compliance review hearing against the Restrained Person.

đã tổ chức một phiên xét xử tội khinh thường dựa trên phán quyết của tòa án trong phiên xét xử đánh giá tuân thủ đối với Người Bị Ngăn Cấm.

The following people were present at the hearing:
Những người sau đây hiện diện tại phiên xét xử:

- | | | | |
|--|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Protected Person <i>Người Được Bảo Vệ</i> | <input type="checkbox"/> in person | <input type="checkbox"/> by phone | <input type="checkbox"/> by video |
| | <i>[-] trực tiếp</i> | <i>[-] qua điện thoại</i> | <i>[-] qua video</i> |
| <input type="checkbox"/> Protected Person's Lawyer <i>Luật Sư Của Người Được Bảo Vệ</i> | <input type="checkbox"/> in person | <input type="checkbox"/> by phone | <input type="checkbox"/> by video |
| | <i>[-] trực tiếp</i> | <i>[-] qua điện thoại</i> | <i>[-] qua video</i> |
| <input type="checkbox"/> Petitioner (if not the protected person) <i>Nguyên Đơn (nếu không phải là người được bảo vệ)</i> | <input type="checkbox"/> in person | <input type="checkbox"/> by phone | <input type="checkbox"/> by video |
| | <i>[-] trực tiếp</i> | <i>[-] qua điện thoại</i> | <i>[-] qua video</i> |
| <input type="checkbox"/> Restrained Person/Defendant <i>Người Bị Ngăn Cấm/Bị Cáo</i> | <input type="checkbox"/> in person | <input type="checkbox"/> by phone | <input type="checkbox"/> by video |
| | <i>[-] trực tiếp</i> | <i>[-] qua điện thoại</i> | <i>[-] qua video</i> |
| <input type="checkbox"/> Restrained Person's/Defendant's Lawyer <i>Người Bị Ngăn Cấm/Luật Sư Của Bị Cáo</i> | <input type="checkbox"/> in person | <input type="checkbox"/> by phone | <input type="checkbox"/> by video |
| | <i>[-] trực tiếp</i> | <i>[-] qua điện thoại</i> | <i>[-] qua video</i> |
| <input type="checkbox"/> Law Enforcement Agency <i>Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật</i> | <input type="checkbox"/> in person | <input type="checkbox"/> by phone | <input type="checkbox"/> by video |
| | <i>[-] trực tiếp</i> | <i>[-] qua điện thoại</i> | <i>[-] qua video</i> |
| <input type="checkbox"/> City Attorney/Prosecutor <i>Luật Sư Thành Phố/Công Tố Viên</i> | <input type="checkbox"/> in person | <input type="checkbox"/> by phone | <input type="checkbox"/> by video |
| | <i>[-] trực tiếp</i> | <i>[-] qua điện thoại</i> | <i>[-] qua video</i> |
| <input type="checkbox"/> Other: _____ <i>Khác:</i> | <input type="checkbox"/> in person | <input type="checkbox"/> by phone | <input type="checkbox"/> by video |
| | <i>[-] trực tiếp</i> | <i>[-] qua điện thoại</i> | <i>[-] qua video</i> |

- The Restrained Person/Defendant was **not** present.
*Người Bị Ngăn Cấm/Bị Cáo đã **không** hiện diện.*

3. The Court reviewed:
Tòa Án đã tái xét:

The court has considered the *Motion for Contempt Hearing* and any supporting documents, response from the Restrained Person, reply, other documents from the court record identified by the court, and the following (*check all that apply*):

Tòa án đã xem xét Kiến Nghị Xét Xử Tội Khinh Thường và bất kỳ văn kiện hỗ trợ, phản hồi từ Người Bị Ngăn Cấm (nếu có), hồi đáp, các văn kiện khác trong hồ sơ tòa án được xác định bởi tòa án và văn kiện sau đây (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- the list of firearms and other dangerous weapons surrendered by, or otherwise belonging to, the Restrained Person that are in possession of (*law enforcement agency*) _____.
danh sách súng và vũ khí nguy hiểm khác được giao nộp hoặc mặt khác thuộc sở hữu của Người Bị Ngăn Cấm (cơ quan thực thi pháp luật)

- proof from (*law enforcement agency*) _____ that any concealed pistol license (CPL) issued to the Restrained Person has been surrendered to a law enforcement agency and revoked.
bằng chứng từ (cơ quan thực thi pháp luật) _____ rằng bất kỳ giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín (CPL) nào cấp cho Người Bị Ngăn Cấm đều đã được giao nộp cho cơ quan thực thi pháp luật và bị thu hồi.

- the affidavit from (*law enforcement agency*) _____ providing the basis of its reasonable suspicion that the Restrained Person is not in full compliance with the *Order to Surrender and Prohibit Weapons*.
bản khai có tuyên thệ từ (cơ quan thực thi pháp luật) _____ cung cấp cơ sở cho khả năng nghi ngờ hợp lý rằng Người Bị Ngăn Cấm không tuân thủ đầy đủ Lệnh Giao nộp và Cấm Vũ Khí.

- the affidavit from the Protected Person regarding firearms surrender.

bản khai có tuyên thệ của Người Được Bảo Vệ về việc giao nộp súng.

- proof of compliance with the *Order to Surrender and Prohibit Weapons* or *Extreme Risk Protection Order* provided by the Restrained Person.
bằng chứng tuân thủ *Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí* hoặc *Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ* do Người Bị Ngăn Cấm cung cấp.
- the *Order Finding Noncompliance and to go to Court*.
Lệnh Phát Hiện Không Tuân Thủ và Ra Tòa.
- DOL firearm records.
Hồ sơ súng DOL.
- Washington State Patrol firearm records.
Hồ sơ súng của Lực Lượng Tuần Tra Tiểu Bang Washington.

➤ **The Court finds:**
Tòa Án nhận thấy:

4. Notice of Previous Order
Thông Báo về Lệnh Trước Đó

On (date): _____, the court entered the following order/s (check all that apply):
Vào (ngày): _____, tòa án đã ban hành (các) lệnh sau đây (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- Protection Order
Lệnh Bảo Vệ
 - Domestic Violence Sexual Assault
Bạo Hành Gia Đình *[-] Tấn Công Tình Dục*
 - Harassment Stalking
Quấy Rối *[-] Theo Dõi*
 - Vulnerable Adult Extreme Risk
Người Lớn Yếu Thế *[-] Rủi Ro Cực Độ*
 - No Contact Order
Lệnh Cấm Tiếp Xúc
 - Order to Surrender and Prohibit Weapons
Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí
 - Extreme Risk Protection Order* dated _____ that directed the Defendant/Restrained Person to surrender, not access, obtain, or possess all firearms and CPL. The Restrained Person was was **not** present when the order/s were entered.
Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ đề ngày _____ đã chỉ đạo Bị Cáo/Người Bị Ngăn Cấm giao nộp, không tiếp cận, lấy hoặc sở hữu tất cả súng và CPL. Người Bị Ngăn Cấm đã hiện diện đã **không** hiện diện khi (các) lệnh đã được ban hành.
- The Restrained Person did did **not** have actual notice of the terms of the order/s.
Người Bị Ngăn Cấm đã có đã **không** có được thông báo thực tế về các điều khoản của (các) lệnh.

5. Compliance Review Hearing
Phiên Xét Xử Đánh Giá Việc Tuân Thủ

- The court has **not** held a compliance review hearing.

Tòa án **không** tiến hành phiên xét xử đánh giá việc tuân thủ.

[] Before this contempt hearing, a compliance review hearing was held on (date) _____ at (time) _____ a.m./p.m. at (department/judge/calendar) *Trước phiên xét xử tội khinh thường này, một phiên xét xử đánh giá việc tuân thủ đã được tiến hành vào (ngày) _____ lúc (giờ) _____ a.m./p.m. tại (phòng ban/thẩm phán/lich làm việc)*

The Restrained Person [] was [] was **not** present at the hearing.

*Người Bị Ngăn Cấm [-] đã hiện diện [-] đã **không** hiện diện tại phiên xét xử.*

The Restrained Person [] did [] did **not** have actual notice of the terms of the *Order to Surrender and Prohibit Weapons* or *Extreme Risk Protection Order* and *Findings and Order on Review: Weapons/Firearms Surrender Compliance*.

*Người Bị Ngăn Cấm [-] đã có [-] đã **không** có được thông báo thực tế về các điều khoản của Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí hoặc Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ và Phán Quyết và Lệnh Đánh Giá: Việc Tuân Thủ Giao Nộp Súng/Vũ Khí*

6. **Compliance with Court Order** **Tuân Thủ Lệnh Tòa**

Since the order/s checked in sections 4 and 5 above were issued, the Restrained Person has (check one):

Vi (các) lệnh được đánh dấu ở mục 4 và 5 trên đây đã được ban hành, Người Bị Ngăn Cấm đã (đánh dấu một mục):

[] **willfully refused** to abide by the court order/s, has the ability to comply with the order/s, has no lawful excuse for failing to obey the court's order/s, and **is in contempt** of this court.

***có tình từ chối** tuân theo (các) lệnh tòa, có khả năng tuân thủ (các) lệnh, không có lý do hợp pháp nào để không tuân theo (các) lệnh tòa và có **thái độ khinh thường** tòa án này.*

Specifically, the Restrained Person failed to comply as follows:

Cụ thể, Người Bị Ngăn Cấm không tuân thủ như sau:

[] failed to obey the court order, but with a **lawful excuse** and is **not** in contempt. *không tuân theo lệnh tòa nhưng có lý do hợp pháp và không có thái độ khinh thường.*

[] failed to obey the court order but remedial contempt sanctions are not appropriate because the Restrained Person does **not currently have the power to comply** with the order. (RCW 7.21.030).

*không chấp hành lệnh tòa nhưng các hình phạt khinh thường khắc phục là không phù hợp bởi vì Người Bị Ngăn Cấm **hiện không có thẩm quyền tuân thủ** lệnh. (RCW 7.21.030).*

[] **obeyed** the court order and is **not** in contempt of court.

tuân theo lệnh tòa và **không** có thái độ khinh thường tòa án.

7. Prior contempt

Tội khinh thường trước đó

Does not apply.
Không áp dụng.

The Restrained Person has been held in contempt before for **not** complying with an order of this court. The Restrained Person (*check one*):
*Người Bị Ngăn Cấm đã bị tội khinh thường trước đó vì **không** tuân thủ lệnh tòa này. Người Bị Ngăn Cấm (đánh dấu một mục):*

has purged the prior contempt of court.
đã giải tội khinh thường trước đó của tòa án.

has **not** yet purged a prior contempt of court.
*đã **chưa** giải tội khinh thường trước đó của tòa án.*

8. Warrant for failure to appear

Lệnh không hiện diện

Does not apply.
Không áp dụng.

The Defendant/Restrained Person has failed to appear at a hearing despite notice and proper service of the summons or order to show cause re contempt and a warrant should be issued to take them into custody immediately.
Bị Cáo/Người Bị Ngăn Cấm đã không hiện diện tại phiên xét xử mặc dù đã được thông báo và tổng đạt lệnh triệu tập hoặc lệnh phù hợp để thể hiện lý do khinh thường và lệnh bắt giữ họ ngay lập tức phải được ban hành.

9. Detention of minor

Giám giữ trẻ vị thành niên

Does not apply.
Không áp dụng.

The Restrained Person is a minor and the court considered the mitigating and aggravating factors listed below to determine whether detention is appropriate. The court also considered all less restrictive options and based upon the following clear, cogent, and convincing evidence, decided that detention is the only appropriate alternative to enforce its order:
Người Bị Ngăn Cấm là một trẻ vị thành niên và tòa án đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng được liệt kê dưới đây để xác định xem việc giám giữ có phù hợp hay không. Tòa án cũng đã xem xét tất cả các tùy chọn ít hạn chế hơn và dựa trên bằng chứng rõ ràng, vững chắc và có sức thuyết phục sau đây, quyết định rằng việc giám giữ là giải pháp thay thế thích hợp duy nhất để thi hành lệnh của tòa án:

10. Other Findings, if any: _____
Phán Quyết Khác, nếu có:

➤ **The Court Orders:**
Các Lệnh Tòa:

11. **Contempt**
Tội Khinh Thường

The Restrained Person (*check one*):
Người Bị Ngăn Cấm (đánh dấu một mục):

is **not** in contempt. The motion is denied.
không có thái độ khinh thường. Kiến nghị bị từ chối.

is **in contempt**. The motion is granted and the following remedial sanctions are imposed:
có thái độ khinh thường. Kiến nghị được chấp nhận và các hình phạt khắc phục sau đây được áp đặt:

purge the contempt by performing the following actions: _____
giải tội khinh thường bằng cách thực hiện các hành động sau đây:

Surrender weapons. The Restrained Person shall immediately surrender any firearms, concealed pistol licenses (CPL), and dangerous weapons in their possession.
Giao nộp vũ khí. Người Bị Ngăn Cấm phải giao nộp ngay lập tức bất kỳ súng, giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín (CPL) và vũ khí nguy hiểm nào mà họ sở hữu.

Pay a fine. The Restrained Person shall pay the following amount due per day (*up to \$2,000/day while the contempt continues*): \$ _____
paid to: _____
by (*time*) _____ a.m./p.m. each day. **Failure to pay each day by this time may result in further contempt actions or jail time.**
Chi trả tiền phạt. Người Bị Ngăn Cấm phải chi trả số tiền sau đây mỗi ngày (lên đến \$2,000/ngày trong khi thái độ khinh thường vẫn tiếp tục): \$ _____
được chi trả cho: _____
trước (giờ) _____ a.m./p.m. mỗi ngày. **Việc không chi trả mỗi ngày trước thời điểm này có thể dẫn đến các hành động khinh thường khác hoặc phải bị tổng giam.**

Go to jail. The Restrained Person shall serve (*how many*) _____
days in custody at the (*jail name*) _____
jail until the Restrained Person takes the following actions:
Bị tổng giam. Người Bị Ngăn Cấm sẽ tổng đạt (bao nhiêu)
ngày bị bắt giữ tại nhà giam (tên nhà giam)
cho đến khi Người Bị Ngăn Cấm thực hiện các hành động sau đây:

[] Surrenders weapons

Giao nộp vũ khí

- They, or someone acting on their direction, **immediately** turns in all firearms, concealed pistol licenses, and dangerous weapons to: *(law enforcement agency)* _____, *Họ hoặc người nào đó hành động theo chỉ đạo của họ, giao nộp ngay lập tức tất cả các súng, giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín và vũ khí nguy hiểm cho: (cơ quan thực thi pháp luật)*
- Immediately files a proof of surrender and receipt with the court, and *Nộp ngay lập tức bằng chứng giao nộp và biên nhận cho tòa án, và*
- mails or sends an electronic copy to the party bringing this motion for contempt (if other than the court's own motion). *gửi thư hoặc gửi bản sao điện tử cho đương sự đang đưa ra kiến nghị này vì tội khinh thường (nếu không phải là kiến nghị của chính tòa án).*

Authorized person. The Restrained Person authorizes the following person, who is not prohibited from possessing or accessing firearms, to immediately surrender the Restrained Person's firearms on the Restrained Person's behalf to the law enforcement agency listed above:

(first, middle and last name) _____

Người được cho phép. Người Bị Ngăn Cấm cho phép người sau đây, họ không bị nghiêm cấm sở hữu hoặc tiếp cận súng, giao nộp ngay lập tức súng của Người Bị Ngăn Cấm thay mặt cho Người Bị Ngăn Cấm cho cơ quan thực thi pháp luật được liệt kê ở trên đây: *(tên, tên lót và họ)*

(date of birth) _____
(ngày sinh)

[] Other action/s: _____
(Các) Hành động khác

Release from jail. The Restrained Person must be released from jail as soon as they satisfy the conditions listed above.

Trả tự do. Người Bị Ngăn Cấm phải được trả tự do ngay khi họ đáp ứng được các điều kiện được liệt kê trên đây.

[] **Other remedial sanctions.** *(Specify sanction/s intended to make the Restrained Person comply with the order.)*

Các hình phạt khắc phục khác. *(Nêu rõ (các) hình phạt nhằm buộc Người Bị Ngăn Cấm tuân thủ lệnh.)*

12. Judgment for fees and costs (*summarize in section 1, above*)
Phán quyết về phí và chi phí (*tóm tắt ở mục 1, trên đây*)

Does not apply.
Không áp dụng.

The motion for contempt is granted and the Restrained Person shall pay all reasonable attorneys' fees, service fees, and other costs related to bringing this motion.

Kiến nghị xét xử tội khinh thường được chấp nhận và Người Bị Ngăn Cấm sẽ chi trả tất cả các phí luật sư, phí tổng đạt hợp lý và các chi phí khác liên quan đến việc đưa ra kiến nghị này.

| | |
|-----------------------------|----------|
| Attorney's fees | \$ _____ |
| <i>Phí luật sư</i> | \$ _____ |
| Costs | \$ _____ |
| <i>Chi phí</i> | \$ _____ |
| Other recovery amount | \$ _____ |
| <i>Số tiền thu hồi khác</i> | \$ _____ |

Yearly interest rate for attorney's fees, costs, and other recovery amounts _____%.
Lãi suất hàng năm đối với phí luật sư, chi phí và các khoản thu hồi khác: _____%.

13. Continuance
Tiếp Tục

Does not apply.
Không áp dụng.

The contempt motion is continued to (*date/time*) _____.
Kiến nghị tội khinh thường được tiếp tục đến (ngày/giờ)

The *Order to Surrender and Prohibit Weapons or Extreme Risk Protection Order* entered (*date*) _____ remains in effect, except as modified by this order.
Lệnh Giao Nộp và Cấm Vũ Khí hoặc Lệnh Bảo Vệ Rủi Ro Cực Độ do Người Bị Ngăn Cấm đã ban hành (ngày) vẫn có hiệu lực, trừ khi được sửa đổi bởi lệnh này.

The *Order Finding Noncompliance and to Go to Court* entered (*date*) _____ remains in effect, except as modified by this order.
Lệnh Phát Hiện Không Tuân Thủ và Ra Tòa đã ban hành (ngày) vẫn có hiệu lực, trừ khi được sửa đổi bởi lệnh này.

14. Contempt review hearing
Phiên xét xử đánh giá tội khinh thường

A contempt review hearing is scheduled for
Phiên xét xử đánh giá tội khinh thường được sắp xếp trong

(*date*) _____, at (*time*) _____ a.m./p.m.
(*ngày*) _____, lúc (*giờ*) _____ a.m./p.m.

The Restrained Person is ordered to personally appear in
Người Bị Ngăn Cấm được lệnh đích thân hiện diện trong

Courtroom _____
Phòng Xử Án

at _____
lúc

IF YOU FAIL TO APPEAR IN PERSON AT THE ABOVE TIME AND PLACE, THE COURT MAY ISSUE A BENCH WARRANT FOR YOUR ARREST WITHOUT FURTHER NOTICE TO YOU.

NẾU QUÝ VỊ KHÔNG ĐÍCH THÂN HIỆN DIỆN VÀO THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NÊU TRÊN, TÒA ÁN CÓ THỂ BAN HÀNH LỆNH BẮT GIỮ QUÝ VỊ MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO THÊM CHO QUÝ VỊ.

15. Other orders, if any
Các lệnh khác, nếu có

Ordered.
Lệnh.

Dated: _____
Đề ngày:

Judge/Commissioner
Thẩm Phán/Ủy Viên

Presented by:
Được đại diện bởi:



| Signature Chữ Ký | WSBA No. WSBA Số | Print Name Tên Viết In | Date Ngày |
|---------------------|---------------------|---------------------------|--------------|
|---------------------|---------------------|---------------------------|--------------|

Petitioner/Petitioner's Lawyer City Attorney Prosecutor
Nguyên Đơn/Luật Sư Của Nguyên Đơn Luật Sư Thành Phố Công Tố Viên

I received a copy of this Order:
Tôi đã nhận được một bản sao Lệnh này.



| Signature of Restrained Person Chữ Ký của Người Bị Ngăn Cấm | Print Name Tên Viết In | Date Ngày |
|--|---------------------------|--------------|
|--|---------------------------|--------------|

Not represented by a lawyer. Advised of right to counsel.
Không có luật sư đại diện. Được thông báo về quyền tư vấn.



| Signature of Restrained Person's Lawyer, WSBA No. Chữ Ký của Luật Sư Người Bị Ngăn Cấm, WSBA Số | Print Name Tên Viết In | Date Ngày |
|--|---------------------------|--------------|
|--|---------------------------|--------------|